| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 436/2026/DS-PT<br>Ngày: 15/5/2026<br>V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Tính**;

*Các thẩm phán*: Ông **Ngô Tấn Lợi**;

Bà **Kiều Kim Xuân**;

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Trang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 146/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 832/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1967. Địa chỉ: 9 khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay là số 93/4 ấp R, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

** Người đại diện theo ủy quyền của bà T:* Bà **Trần Thị Kim E**, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố P, phường T, tỉnh Đồng Tháp) (có mặt)

*2. Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn Ú**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số A, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay là số 108 ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Ú:*

2.1. Bà **Bùi Thị Kim Y**, sinh năm 1984. Nơi thường trú: Số A, A, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là Số A, đường A, Phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy uỷ quyền ngày 11/12/2023 (có mặt).

2.2. Ông **Phan Tường D**, sinh năm 1994. Nơi thường trú: Khu phố T, thị trấn C, S, tỉnh Phú Yên. Nay là Khu phố T, xã S, tỉnh Đăk Lăk. Địa chỉ liên lạc: Số E Đ, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là số E Đ, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy uỷ quyền ngày 12/3/2025 (có mặt).

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Nguyễn Phúc Á**, sinh năm 1967. Địa chỉ Số C đường L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Á: Bà **Đinh Thị Kiều L**, sinh năm 1982. Nơi thường trú: Số A, Đ, Phường I, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là số 16, Đ, Phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2. Bà **Huỳnh Thị Thùy L1**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Bà L1 uỷ quyền cho ông **Phan Tường D**, sinh năm 1994. Nơi thường trú: Khu phố T, thị trấn C, S, tỉnh Phú Yên. Nay là Khu phố T, xã S, tỉnh Đăk Lăk. Địa chỉ liên lạc: Số E Đ, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là số E Đ, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*4. Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm:*

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:* Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 11 năm 2022, ông Huỳnh Văn Ú có vay tiền của bà nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 11/01/2022 vay số tiền 500.000.000 đồng.
- Ngày 25/4/2022 vay số tiền 300.000.000 đồng.
- Ngày 20/5/2022 vay số tiền 450.000.000 đồng.
- Ngày 08/6/2022 vay số tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 20/6/2022 vay số tiền 400.000.000 đồng.
- Ngày 29/6/2022 vay số tiền 150.000.000 đồng.
- Ngày 06/10/2022 vay số tiền 250.000.000 đồng.
- Ngày 17/10/2022 vay số tiền 250.000.000 đồng.
- Ngày 08/11/2022 vay số tiền 500.000.000 đồng.
- Ngày 15/11/2022 vay số tiền 500.000.000 đồng.

Tổng cộng ông Ú đã vay của bà số tiền 3.500.000.000 đồng, mục đích vay xây dựng nhà ở và nhà thờ họ tộc. Khi vay có làm biên nhận do ông Ú lập và ký tên, thoả thuận lãi 3%/tháng, ông Ú hứa vay Ngân hàng sẽ trả nhưng đến nay không trả, bà đã nhiều lần điện thoại nhưng ông Ú cứ hẹn và lẫn tránh. Nay bà yêu cầu ông Huỳnh Văn Ú trả cho bà số tiền 3.500.000.000 đồng và trả số tiền

lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 2.500.000.000 đồng từ ngày 06/10/2022 và số tiền 1.000.000.000 đồng từ ngày 08/11/2022.

Ngày 12/5/2025, bà T có đơn khởi kiện bổ sung: Sau khi rà soát các chứng cứ trên sao kê Ngân hàng bà nhận thấy ngoài 3.500.000.000 đồng mà bà đã khởi kiện ông Ú trước đây thì ông Ú còn nợ bà số tiền 417.500.000 đồng. Nay bà khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông Ú phải trả cho bà tổng cộng là 3.917.500.000 đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn Ú là anh Phan Tường D và chị Bùi Thị Kim Y thống nhất trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

- Đối với số tiền 3.500.000.000 đồng theo trình bày ở lần hoà giải trước thì ông Ú đã trả 2.200.000.000 đồng (bao gồm ông Á chuyển 1.200.000.000 đồng, ông Ú chuyển 1.000.000.000 đồng). sau khi kiểm tra sao kê thì ngày 16/02/2022 ông Ú chuyển có chuyển trả cho chị T là 500.000.000 đồng, Ngày 31/8/2022 ông Ú chuyển trả cho chị T 95.950.000 đồng. Ngày 28/9/2022 ông Ú chuyển trả tiếp 311.000.000 đồng. Như vậy, đối với số tiền này ông Ú chỉ còn nợ 393.050.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị T yêu cầu số tiền 417.500.000 đồng ông Ú không đồng ý vì theo sao kê 20/01/2022 chị T chuyển 02 lần chuyển số tiền 500.000.000 đồng. Nội dung chuyển khoản không ghi nội dung, chỉ ghi chung chung là chuyển khoản chứ không phải là nội dung vay mượn.

Ngày 21/02/2022 chị T chuyển số tiền 150.000.000 đồng cũng không ghi nội dung vay mượn.

Ngày 07/3/2022 chị T chuyển số tiền 200.000.000 đồng cũng không ghi nội dung.

Ngày 18/3/2022 chị T chuyển số tiền 400.000.000 đồng cũng không ghi nội dung.

Đối với phần lãi do hai bên không thoả thuận lãi suất và thời hạn vay nên chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ, ông Ú không đồng ý trả lãi.

Đối với số tiền 393.050.000 đồng ông Ú xin trả làm 02 lần, mỗi lần cách nhau 02 tháng, bắt đầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phúc Á trình bày:* Ông Ú vay tiền của Ngân hàng để xây dựng cơ sở kinh doanh nên phải trả tiền cho ông Á (là chủ cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng). Từ đó, ông Á mới chuyển vào tài khoản của bà T tại B theo yêu cầu của ông Ú. Sau khi chuyển tiền cho bà T, ông Á có thông báo cho bà T biết là số tiền này của ông Huỳnh Văn Ú trả nợ cho bà T. Ông Á đã chuyển với tổng cộng số tiền là 1.200.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Thị Thanh T theo giấy báo nợ số 110 ngày 11/8/2022 của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh M có nội dung: Chuyển tiền 1.200.000.000 đồng từ tài khoản số 71110000226668 của

ông Nguyễn Phúc Á đến số tài khoản 71010000792551 của bà T đã dùng để chuyển 250.000.000 đồng cho ông Ú vay theo giấy báo nợ số 23223259 ngày 17/10/2022 của B.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Ú trả số tiền 3.500.000.000 đồng theo các biên nhận viết tay và 01 giấy báo nợ ngày 17/10/2022 đã cung cấp ở phiên toà xét xử sơ thẩm lần 1 và yêu cầu trả tiền lãi suất thời gian tính từ ngày

Bị đơn đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông Ú cũng đồng ý có nợ bà T số tiền 3.500.000.000 đồng, đã trả cho bà T tổng cộng là 1.095.950.000 đồng, nên nay chỉ còn nợ lại bà T số tiền 2.404.505.000 đồng. Bị đơn không đồng ý trả tiền lãi vì bà T không chứng minh được có thông báo yêu cầu ông Ú trả số tiền, chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ nên ông Ú không đồng ý chịu tiền lãi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp, đã áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử***:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Huỳnh Văn Ú có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền **2.943.354.570 đồng.**

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 01 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Đại diện cho nguyên đơn bà T là bà Trần Kim E tranh luận:* Tôi vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, vì từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 11 năm 2022, bà T có cho ông Ú vay 15 lần tiền, sau khi trừ đi các khoản ông Ú đã trả ông Ú còn nợ lại bà T tổng cộng 3.500.000.000 đồng nên bà T yêu cầu ông Ú trả vốn và yêu cầu tính lãi theo mốc thời gian do cấp Giám đốc thẩm đã xác định, lãi suất 0.83% trên tháng.

Đại diện bị đơn là anh Phan Tường D và chị Bùi Thị Kim Y thống nhất tranh luận: Chúng tôi không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chúng tôi xác định ông Ú chỉ có giao dịch vay tiền của bà T trong mốc thời gian từ tháng 01.2022 đến tháng 11.2022, ngoài ra ông Ú không có bất cứ quan hệ giao dịch nào khác đối với bà T về tiền bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ số tiền 1.200.000.000 đồng ông Ú nhờ ông Á chuyển cho bà T và ba lần ông Ú tự chuyển trả cho bà T 1.585.955.000 đồng. Như vậy, tổng cộng ông Ú đã trả cho bà T 2.785.955.000 đồng trừ vào số tiền 3.500.000.000đ ông Ú vay của bà T còn lại 704.045.000 đồng. Ông Ú thống nhất trả mức lãi 0.83% trên tháng và mốc thời gian tính lãi là ngày 11.6.2023 như cấp giám đốc thẩm đã nhận định.

Người liên quan chị L1 đại diện cho ông Á tranh luận: Ông Á đã chuyển tiền ông Ú nhờ chuyển trả cho bà T 1.200.000.000 đồng, trong vụ kiện trên ông Á không có ý kiến.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về *"Hợp đồng vay tài sản"* là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 19/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp ban hành bản án số 92/2025/DSST, đến ngày 01 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T nộp đơn kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của bà T còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục kháng cáo thông thường.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

[3.1]. Xét yêu cầu về tiền gốc, bà T yêu cầu ông Ú trả số tiền còn nợ tổng cộng là 3.500.000.000 đồng:

[3.1.1]. Căn cứ vào Quyết định giám đốc thẩm số 276/2024/DS-GĐT ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 102) tại phần nhận định của Tòa án ở đoạn "Xét, giấy báo nợ số 8 ngày

18/8/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 – Chi nhánh T1 (V) có nội dung: Chuyển tiền 1.000.000.000 đồng từ tài khoản số 109876585280 của ông Huỳnh Văn Ú đến tài khoản số 71010000792551 là của bà T là có trên thực tế, giao dịch chuyển tiền được thực hiện vào ngày 18/8/2022 là trong khoảng thời gian ông Ú vay tiền của bà T nên ông Ú đã có trả cho bà T số tiền này có căn cứ chấp nhận. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.1.2]. Đối với số tiền 95.950.000 đồng ông Ú chuyển thì bà không nhớ là khoản vay nào là không có căn cứ. Ông Ú chuyển vào tài khoản bà T nên xác định bà T có nhận của ông Ú, xác định ông Ú có trả cho bà T số tiền 95.950.000 đồng.

[3.2]. Xét thấy các bên đương sự thống nhất từ ngày 01/2022 đến 11/2022 ông Ú xác lập có vay tiền của bà T, ngoài khoản thời gian này hai bên không có xác lập quan hệ giao dịch nào khác. Bà T xác định nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho ông Ú vay, tổng cộng là 4.917.500.000 đồng. Qua đối chiếu lịch sử giao dịch từ tháng ngày 01/01/2022 đến ngày 30/11/2022, bà T chuyển từ tài khoản số 71010000792551 của bà T mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh T1 qua tài khoản 109876585280 của ông Ú mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 – Chi nhánh T1 (V) tổng số tiền 4.917.500.000 đồng mục đích cho ông Ú vay. Ông Ú trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 11 cùng năm 2022 đã chuyển trả cho bà T tổng số tiền 1.595.955.000 đồng. Như vậy, khấu trừ nợ và chuyển trả nợ giữa bà T và ông Ú 4.917.500.000 - 1.595.955.000 = 3.321.545.000 đồng.

[3.3]. Xét ý kiến của đại diện bị đơn anh D và chị Y cho rằng các khoản chuyển tiền từ bà T sang ông Ú các ngày 21/02/2022 số tiền 150.000.000 đồng; ngày 07/3/2022 số tiền 200.000.000 đồng; ngày 18/3/2022 số tiền 400.000.000 đồng; ngày 22/7/2022 số tiền 167.500.000 đồng không ghi nội dung chuyển khoản nên không thể chứng minh bà T cho ông Ú vay là không có căn cứ bởi lẽ các bên thừa nhận bà T và ông Ú xác lập hợp đồng vay từ tháng 01 đến tháng 11 cùng năm 2022. Như vậy, các khoản bà T chuyển ông Ú như anh D và chị Y nêu là trong mốc thời gian hai bên thực hiện giao dịch vay tiền nên khi bà T nhận tiền ông Ú chuyển trả bà đã trừ ra không nêu trong đơn khởi kiện. Mặt khác, trong nhiều lần chuyển khoản qua lại giữa ông Ú và bà T đều không ghi nôi dụng, cụ thể ngày 18/8/2022 ông Ú chuyển tiền trả cho bà T 1.000.000.000 đồng cũng có khi không ghi nội dung chỉ ghi ngắn gọn "HUYNH VAN UT CT". Theo các bên xác định ngoài quan hệ vay tiền ông Ú và bà T không có xác lập quan hệ nào khác liên quan đến tiền. Như vậy, có thể khẳng định toàn bộ số tiền bà T chuyển cho ông Ú là tiền vay và số tiền ông Ú chuyển cho bà T là tiền dùng để trả tiền ông Ú đã vay của bà T.

[3.4]. Đối với số tiền ông Ú nhờ ông Nguyễn Phúc Á chuyển cho bà T 1.200.000.000 đồng ngày 11.8.2022, bà T đã chứng minh ông Ú hỏi vay của bà T ngày 10.8.2022 số tiền trên và bà T có chuyển cho ông Ú làm ba lần tiền tổng

cộng 1.200.000.000 đồng cùng ngày trên (có sao kê chứng minh) nên không có căn cứ trừ số tiền trên vào tiền vốn còn lại bà T đã cho ông Ú vay như yêu cầu của đại diện bị đơn.

[4]. Như vậy, qua đối chiếu số khấu trừ số tiền bà T chuyển cho ông Ú vay và tiền ông Ú chuyển trả cho bà T từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/11/2022 ông Ú còn nợ lại bà T tiền vốn vay là 3.321.545.000 đồng không phải 3.500.000.000 đồng như bà T trình bày.

[5]. Về tiền lãi, bà T yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 3.500.000.000 đồng theo mức lãi 0.83%/tháng, thời gian tính như Quyết định giám đốc thẩm số 276/2024/DS-GĐT ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh xác định là ngày 11/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là tròn 27 tháng là có căn cứ một phần vì như nhận định số tiền vốn ông Ú còn nợ bà T là 3.321.545.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 3.321.545.000 đồng x 0.83% = 27.568.823 đồng x 27 tháng = 744.358.234 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền ông Ú có nghĩa vụ trả cho bà T là 3.321.545.000 đồng + 744.358.234 đồng = 4.065.903.000 đồng

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Huỳnh Văn Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 4.065.903.000 đồng cụ thể là 112.065.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận là 178.455.000 đồng cụ thể là 8.923.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 10.437.000 đồng theo biên lai số 0012916 ngày 14/5/2025 và 51.000.000 đồng theo biên lai số 0012681 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Tháp. Vậy hoàn lại cho bà T 52.514.000 đồng.

- Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng không buộc bà T chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là có thiếu sót.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có cơ sở, phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[8]. Như vậy, bà T kháng cáo có cơ sở, có cung cấp được chứng cứ chứng minh cho một phần yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[9]. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà T được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003114 ngày 01/10/2025 của cơ quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[10]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không liên quan kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Buộc ông Huỳnh Văn Ú có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là **4.065.903.000 đồng.** Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Út C thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Ú có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

1.2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Huỳnh Văn Ú phải chịu 112.065.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu là 8.923.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 10.437.000 đồng theo biên lai số 0012916 ngày 14/5/2025 và 51.000.000 đồng theo biên lai số 0012681 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Tháp. Vậy hoàn lại cho bà T 52.514.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- H lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003114 ngày 01/10/2025 của cơ quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 10 giờ và kết thúc lúc 10 giờ 25 phút cùng ngày 15/5/2026, có mặt bà T, bà Kim E, chị Y và chị L1, các đương sự còn lại vắng mặt.

***Nơi nhận:***
- Toà phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TANDKV 3 – Đồng Tháp;
- Phòng THAKV 3 – Đồng Tháp;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

DSPT-2026-TK Đạt

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Tính**